

Bản án số: 83/2023/DS-ST
Ngày: 27-6-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Phước Mãng

2/ Bà Phạm Thị Kim Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Quý – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm: 1975; địa chỉ: 187 đường V, Phường H, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoài N, sinh năm: 1981; Địa chỉ: 1440/12 đường K, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Ngõ Mỹ D, sinh năm: 1975; địa chỉ: 187 đường V, Phường H, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2/ Bà Lê Phạm Hoàng L, sinh năm: 1982; Địa chỉ: 1440/12 đường K, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/12/2022, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày: Qua quen biết với nhau từ trước nên vào ngày 27/9/2022 ông có cho ông Nguyễn Hoài N vay số tiền 1.350.000.000đ (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 03(ba) tháng

kể từ thời điểm ký hợp đồng, lãi suất vay theo lãi suất ngân hàng Nhà nước. Mục đích cho ông N vay tiền là để mua nhà. Hợp đồng vay tiền có công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Viết Phú, số công chứng 00008220, quyền số 09/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/9/2022. Sau khi ký xong hợp đồng vay tiền ông đã giao đủ số tiền 1.350.000.000 đồng cho ông N và khi nhận tiền ông N có viết giấy cam kết với nội dung xác nhận có mượn của ông số tiền là 1.350.000.000 đồng và cam kết sau 03 tháng sẽ hoàn trả đúng số tiền trên đúng với hợp đồng đã ký tại phòng công chứng.

Sau khi cho ông N vay tiền thì ông N cũng không trả tiền lãi cho ông như thỏa thuận. Trong hợp đồng vay tiền hai bên thỏa thuận ghi mức lãi suất cho vay là theo lãi suất ngân hàng Nhà nước. Lúc đó ông và ông N không nói cụ thể với nhau mức lãi suất là bao nhiêu phần trăm nhưng theo ông nghĩ thì mức lãi suất Ngân hàng Nhà nước là 9%/năm.

Đến hạn thanh toán tiền vốn vay thì ông N cũng không trả khoản tiền vốn vay cho ông, ông đã nhiều lần yêu cầu ông N trả nợ cho ông nhưng ông N cố tình tránh né ông. Khi ông cho ông N vay tiền thì vợ ông là bà Ngũ Mỹ D có biết việc này. Tuy nhiên, số tiền mà ông cho ông N vay là tiền của cá nhân ông không phải là tài sản chung của vợ chồng ông, không liên quan đến bà D

Nay tại phiên tòa ông được biết mức lãi suất Ngân hàng Nhà nước quy định đối với khoản vay ngắn hạn tại thời điểm ông cho ông N vay tiền chỉ có 4,5%/năm. Ông cũng đồng ý với mức lãi suất này. Nay ông chỉ yêu cầu cá nhân ông N phải trả lại cho ông số tiền vốn vay là 1.350.000.000đ (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi trong hạn với mức lãi suất là 4,5%/năm và tiền lãi quá hạn theo quy định của pháp luật, thời hạn trả là trong thời hạn 06 tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông không yêu cầu ông N phải trả cho ông khoản tiền lãi của số tiền lãi trong hạn chưa trả.

Ngày 24/02/2023 ông có làm đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện là yêu cầu ông Nguyễn Hoài N và vợ của ông N là bà Lê Phạm Hoàng L phải liên đới trả nợ cho ông. Tuy nhiên, sau đó ông được biết bà L và ông N đã ly hôn trước thời điểm ông cho ông N vay tiền. Vì vậy, vào ngày 09/5/2023 ông đã làm đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bà L phải liên đới với ông N để trả nợ cho ông nữa. Tại phiên tòa hôm nay, ông vẫn đồng ý rút lại một phần yêu cầu khởi kiện này.

- *Tại phiên tòa hôm nay Bị đơn ông Nguyễn Hoài N có lời trình bày như sau:* Trước đây ông có vay của ông T số tiền 1.000.000.000 đồng để nhằm mục đích kinh doanh bất động sản, mỗi tháng ông phải trả lãi cho ông T là 25.000.000 đồng/tháng, việc vay mượn và trả lãi hai bên không làm giấy tờ gì. Sau này do ông không có khả năng trả lãi nữa nên ông và ông T đã cộng cả tiền vốn và tiền lãi mà ông còn thiếu của ông T thành số tiền là 1.350.000.000 đồng. Vì vậy, vào ngày 27/9/2022 ông và ông T đã đến Văn phòng công chứng để ký hợp đồng vay tiền, xác định số tiền ông vay của ông T là 1.350.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng. Trên hợp đồng ghi lãi suất cho vay theo lãi suất của Ngân hàng Nhà nước là

vì lúc đó ông T có nói ghi lãi suất cho có chứ không nhất thiết phải trả lãi vì vậy mà ông cũng không quan tâm mức lãi suất của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm đó là bao nhiêu phần trăm/ tháng. Do ông làm ăn gặp khó khăn nên không có tiền để trả lại cho ông T theo đúng thỏa thuận. Nay ông xác định ông còn nợ ông T số tiền vốn chưa trả là: 1.350.000.000đ (Một tỷ, ba trăm năm mươi triệu đồng). Nay ông đồng ý trả cho ông T số tiền vốn vay còn thiếu là 1.350.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn với mức lãi suất là 4,5%/năm và tiền lãi quá hạn theo quy định của pháp luật. Thời hạn thanh toán là trong thời hạn 06 tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật ông sẽ thanh toán hết tiền vốn và lãi cho ông T.

Ông và bà Lê Phạm Hoàng L đã ly hôn với nhau vào tháng 9/2022, toàn bộ số tiền ông vay của ông T là khoản vay cá nhân của ông không liên quan gì đến bà L.

- *Tại đơn trình bày ý kiến ngày 24/02/2023 và tại phiên tòa hôm nay Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Ngũ Mỹ D trình bày:* Bà là vợ của ông Trần Văn T. Đối với khoản tiền ông T cho ông Nguyễn Hoài N vay thì bà xác định đây là khoản tiền riêng của ông T không phải là tài sản chung của vợ chồng bà, tuy nhiên khi ông T cho ông N vay tiền thì bà có biết việc này. Nay bà không có yêu cầu hay tranh chấp gì đối với khoản tiền mà ông T cho ông N vay. Bà đề nghị Tòa án buộc ông N trả lại cho ông T số tiền vốn và tiền lãi mà ông N còn thiếu của ông T.

- *Tại bản tự khai ngày 27/3/2023 Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Lê Phạm Hoàng L trình bày:* Bà và ông Nguyễn Hoài N đã chấm dứt quan hệ hôn nhân theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 562/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/9/2022 của Tòa án nhân dân Quận 6. Do đó các vấn đề phát sinh liên quan đến các giao dịch giữa cá nhân ông Nguyễn Hoài N với bất kỳ bên thứ ba nào khác sẽ không liên quan đến bà. Bà không hề quen biết hay liên lạc đối với ông Trần Văn T, cũng như bà chưa từng ký bất kỳ giấy tờ hoặc hồ sơ, hợp đồng vay vốn nào với ông T. Vì vậy nếu ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh bà có liên quan đến các giao dịch giữa cá nhân ông Nguyễn Hoài N với nguyên đơn theo nội dung đơn khởi kiện thì đề nghị Tòa án xem xét điều chỉnh bỏ bà ra khỏi tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án để nhằm tránh ảnh hưởng đến uy tín xã hội, tinh thần và công việc hàng ngày của cá nhân bà.

Phản phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ hợp đồng vay tài sản ngày 27/9/2022 và sự thừa nhận của các đương sự tại phiên tòa có cơ sở xác định ông T có cho ông N vay số tiền 1.350.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng kể từ thời điểm ký hợp đồng,

lãi suất vay theo lãi suất ngân hàng nhà nước. Ông N thừa nhận đến nay vẫn chưa trả cho ông T số tiền đã vay là 1.350.000.000 đồng và chưa trả được số tiền lãi nào. Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn thống nhất mức lãi suất cho vay ngắn hạn tại thời điểm ký kết hợp đồng là 4,5%/năm theo quy định của Ngân hàng nhà nước, đồng thời ông T và ông N thống nhất là ông N sẽ thanh toán toàn bộ số tiền vốn vay là 1.350.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn cho ông T trong thời hạn 06 tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T không yêu cầu ông N thanh toán tiền lãi đối với khoản lãi trong hạn chưa thanh toán.

Ngày 09/5/2023 nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bà L liên đới với ông N trả nợ cho ông nữa, tại phiên tòa hôm nay ông vẫn giữ nguyên việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: ông Nguyễn Hoài N phải thanh toán cho ông T số tiền vốn vay còn thiếu là 1.350.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn với mức lãi suất là 4,5%/năm; tiền lãi quá hạn và lãi chậm thi hành án theo quy định của pháp luật. Ghi nhận việc ông T không yêu cầu ông N thanh toán tiền lãi đối với khoản lãi trong hạn chưa thanh toán. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Lê Phạm Hoàng L có trách nhiệm liên đới cùng bị đơn trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn ông Trần Văn T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hoài N phải trả số tiền đã vay theo hợp đồng vay tài sản được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Viết Phú, số công chứng 00008220, quyển số 09/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/9/2022. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Lê Phạm Hoàng L có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ngày 24/02/2023 ông Trần Văn T có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu bà Lê Phạm Hoàng L phải liên đới cùng với ông Nguyễn Hoài N trả số tiền vốn vay là 1.350.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng vay tài sản ngày 27/9/2022. Ngày 09/5/2023 ông T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu và Lê Phạm Hoàng L phải liên đới cùng với ông N trả cho ông số tiền vốn vay là 1.350.000.000 đồng và tiền lãi nữa. Tại phiên tòa hôm nay ông T xác định vẫn đồng ý rút một phần yêu cầu khởi kiện này. Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này của ông T là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

- Căn cứ vào hợp đồng vay tài sản số 00008220, quyền số 09/2022 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng Công chứng Nguyễn Viết Phú chứng nhận ngày 27/9/2022 và giấy cam kết ngày 27/9/2022 do ông Trần Văn T cung cấp cũng như sự thừa nhận của các đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử hoàn toàn có cơ sở xác định vào ngày 27/9/2022 thì ông Nguyễn Hoài N đã vay của ông Trần Văn T số tiền là 1.350.000.000đ (Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay là 03 tháng kể từ thời điểm ký hợp đồng vay. Đến nay đã quá thời hạn thanh toán nhưng ông N vẫn chưa trả lại số tiền vay trên cho ông T. Nay ông Trần Văn T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hoài N phải trả lại số tiền vốn vay là 1.350.000.000đ (Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng) là hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về tiền lãi: Căn cứ vào hợp đồng vay tài sản số 00008220, quyền số 09/2022 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng Công chứng Nguyễn Viết Phú chứng nhận ngày 27/9/2022 thì tại điều 3 của hợp đồng hai bên có thỏa thuận “ *Lãi suất cho vay: theo lãi suất Ngân hàng nhà nước*”. Như vậy, căn cứ vào thỏa thuận này thì đây là hợp đồng vay tiền có thời hạn và có lãi suất.

Theo quyết định số 1730/QĐ-NHNN ngày 30/9/2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước thì mức lãi suất cho vay ngắn hạn là 4,5%/năm.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Trần Văn T và bị đơn ông Nguyễn Hoài N đều thống nhất với mức lãi suất trong hạ tại thời điểm cho vay là 4.5%/năm # 0,375%/tháng

Theo quy định tại điểm a,b khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì ngoài việc ông Nguyễn Hoài N phải trả cho ông T số tiền vốn còn thiếu là 1.350.000.000 đồng thì ông N còn phải trả cho ông T tiền lãi trong hạn, tiền lãi của số tiền lãi trong hạn chưa trả và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay ông T chỉ yêu cầu ông N trả lãi suất trong hạn với mức lãi suất là 4,5%/ năm, lãi suất trên nợ gốc quá hạn chưa trả từ ngày 28/12/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đồng thời ông T tự nguyện không yêu cầu ông N phải trả tiền lãi của số tiền lãi trong hạn chưa điều này là có lợi cho ông N nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của ông T.

Như vậy, ông N phải trả cho ông T tiền lãi trong hạn từ ngày 27/9/2022 đến ngày 27/12/2022 là:

$$1.350.000.000đ \times 0,375\%/tháng \times 3 \text{ tháng} = 15.187.500 \text{ đồng}$$

Tiền lãi quá hạn từ ngày 28/12/2022 đến ngày 27/6/2023

$$1.3500.000.000đ \times 0,375\%/tháng \times 150\% \times 6 \text{ tháng} = 45.360.000 \text{ đồng}$$

$$\text{Tổng cộng tiền lãi là: } 15.187.500đ + 45.360.000đ = 60.547.500 \text{ đồng.}$$

Như vậy, tổng số tiền vốn và lãi ông N phải trả cho ông T là:

$$1.350.000.000đ + 60.547.500đ = 1.410.547.500đ \text{ (Một tỷ bốn trăm mười triệu năm trăm bốn mươi bảy ngàn năm trăm đồng).}$$

[4] Về thời hạn thanh toán: Tại phiên tòa hôm nay ông T và ông N đều thống nhất thời hạn thanh toán tiền vốn và tiền lãi trong thời hạn 06 tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, ông N có trách nhiệm trả cho ông T tổng số tiền vốn và tiền lãi là: 1.410.547.500đ (Một tỷ bốn trăm mười triệu năm trăm bốn mươi bảy ngàn năm trăm đồng) trong thời hạn 06 tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật

[5] Về án phí:

Ông Nguyễn Hoài N phải nộp án phí trên số tiền phải trả cho ông Trần Văn T là:

$36.000.000đ + 3\% (1.410.547.500đ - 800.000.000đ) = 54.316.425 \text{ đồng} .$

- Ông Trần Văn T không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, khoản 1, 5 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc ông Nguyễn Hoài N trả cho ông Trần Văn T số tiền vốn vay là 1.350.000.000đ (Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng) theo hợp đồng vay tài sản số 00008220, quyền số 09/2022 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng Công chứng Nguyễn Viết Phú chứng nhận ngày 27/9/2022 và giấy cam kết ngày 27/9/2022 và tiền lãi là: 60.547.500đ (Sáu mươi triệu năm trăm bốn mươi bảy ngàn năm trăm đồng). Tổng cộng cả vốn và lãi là: 1.410.547.500đ (Một tỷ bốn trăm mười triệu năm trăm bốn mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

Thời hạn thanh toán: thanh toán trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định về mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông Trần Văn T không yêu cầu ông Nguyễn Hoài N phải trả tiền lãi của số tiền lãi trong hạn chưa trả.

3/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T về việc yêu cầu bà Lê Phạm Hoàng L phải liên đới cùng với ông Nguyễn Hoài N trả số tiền vốn vay và tiền lãi theo hợp đồng vay tài sản số 00008220, quyền số 09/2022 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng Công chứng Nguyễn Viết Phú chứng nhận ngày 27/9/2022.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Hoài N phải nộp tiền án phí là: 54.316.425đ (Năm mươi bốn triệu ba trăm mười sáu ngàn bốn trăm hai mươi lăm đồng).

- Ông Trần Văn T không phải nộp án phí. Trả lại cho ông Trần Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 26.756.250đ (hai mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0012903 ngày 11/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

5/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

6/ Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Nhàn